

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2688/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết,
quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

- Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 05/9//2016 của UBND tỉnh An Giang về công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về công bố bộ thủ tục hành chính chung được sửa đổi, bổ sung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
 - Bộ, ngành Trung ương;
 - CT, các PCT. UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
 - Website tỉnh;
 - Công Dịch vụ công trực tuyến;
 - Trung tâm công báo - Tin học;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Lưu: VT, KSTT(05b).
- } Qua email

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 30.10.2018 08:52:00 +07:00

Vương Bình Thạnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT,
QUẢN LÝ ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**
(Kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang)

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	05 ngày làm việc	Công an huyện	300.000 đồng/lần cấp giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. - Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
2	Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	04 ngày làm việc	Công an huyện	300.000 đồng/lần cấp đổi giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. - Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự				

II. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Cấp ngay biển số sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ; cấp giấy chứng nhận đăng ký xe thì thời hạn hoàn thành thủ tục không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố và thị xã: + Xe có giá trị từ 15.000.000đ trở xuống: 200.000đ. + Xe có giá trị trên 15.000.000đ đến 40.000.000đ: 400.000đ. + Xe có giá trị trên 40.000.000đ trở lên: 800.000đ. - Tại các huyện còn lại: 50.000đ (Đối với tất cả các 	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. + Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				xe).	BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.
2	Đăng ký sang tên mô tô, xe gắn máy trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Cấp ngay biên số sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ; Giấy chứng nhận đăng ký xe thì thời hạn hoàn thành thủ tục không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	<ul style="list-style-type: none"> - Từ thành phố, thị xã chuyển về thành phố, thị xã đối với xe 05 số: 30.000đ. - Từ thành phố, thị xã chuyển về thành phố, thị xã đối với xe 04 số đổi lại thành 05 số: 50.000đ. - Từ thành phố, thị xã chuyển về huyện: 50.000đ. - Từ huyện chuyển về huyện: 30.000đ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. + Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>- Từ huyện chuyển về thành phố, thị xã (được tính theo giá trị trước bạ):</p> <p>* Tại Thành phố và thị xã:</p> <p>+ Xe có giá trị từ 15.000.000đ trở xuống: 200.000đ.</p> <p>+ Xe có giá trị trên 15.000.000đ đến 40.000.000đ: 400.000đ.</p> <p>+ Xe có giá trị trên 40.000.000đ trở lên: 800.000đ.</p>	<p>của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				* Tại các huyện còn lại: 50.000đ (Đối với tất cả các xe).	
3	Sang tên, di chuyển mô tô, xe gắn máy đi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. + Thông tư số 64/2017/TT-BCA

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.
4	Đăng ký mô tô, xe gắn máy từ tỉnh khác chuyển đến tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Cấp ngay biên số sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ; Giấy chứng nhận đăng ký xe thì thời hạn hoàn thành thủ tục không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	<ul style="list-style-type: none"> - Từ thành phố, thị xã thuộc tỉnh khác chuyển về thành phố, thị xã trong tỉnh: 50.000đ. - Từ thành phố, thị xã thuộc tỉnh khác chuyển về huyện trong tỉnh: 50.000đ. - Từ huyện thuộc tỉnh khác chuyển về huyện trong tỉnh: 50.000đ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>- Từ huyện thuộc tỉnh khác chuyển về thành phố, thị xã (được tính theo giá trị trước bạ):</p> <p>* Tại Thành phố và thị xã:</p> <p>+ Xe có giá trị từ 15.000.000đ trở xuống: 200.000đ.</p> <p>+ Xe có giá trị trên 15.000.000đ đến 40.000.000đ: 400.000đ.</p> <p>+ Xe có giá trị trên 40.000.000đ trở lên:</p>	<p>+ Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				800.000đ. * Tại các huyện còn lại: 50.000đ (Đối với tất cả các xe).	
5	Đổi giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy và biển số xe tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	<ul style="list-style-type: none"> + Cấp ngay biển số sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải chờ sản xuất biển số thì thời gian không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe thì thời gian hoàn thành không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký đối với xe 05 số: 30.000đ. - Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký đối với xe 04 số đổi lại thành 05 số: 50.000đ. - Cấp đổi biển số: 100.000đ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. + Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công an

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.
6	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy và biển số xe tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	<p>+ Cấp ngay biển số sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải chờ sản xuất biển số thì thời gian không quá 7 ngày làm việc kể, từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe bị mất thì thời gian xác minh và hoàn thành thủ tục không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	<p>- Đối với xe 04 số chuyển sang 05 số: 50.000đ.</p> <p>- Đối với xe 05 số chuyển sang 05 số: 30.000đ.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008).</p> <p>+ Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe.</p> <p>+ Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.</p> <p>+ Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.
7	Đăng ký mô tô, xe gắn máy tạm thời tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Cấp ngay biển số tạm thời và giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ.	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	50.000đ	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					+ Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.
8	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy và biển số xe tại Công an cấp huyện nơi được phân cấp đăng ký mô tô, xe gắn máy	Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Công an cấp huyện (trừ Công an thành phố Long Xuyên)	Không	+ Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12, ngày 13/11/2008). + Thông tư số 41/2016/TT-BCA, ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe. + Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. + Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. + Thông tư số 64/2017/TT-BCA

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 28/12/2017 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe.

III. LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CHỨNG MINH NHÂN DÂN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Chứng minh nhân dân (9 số)	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân ở thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc; + Đối với trường hợp công dân ở các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc; + Đối với công dân ở các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc. 	Công an cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> + Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 9.000 đồng/lần cấp + Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 106/2013/NĐ-CP, ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				lại: 4.000 đồng/lần cấp	<p>+ Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13), ngày 19/4/1999 của Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân.</p> <p>+ Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA(C11), ngày 10/10/2001 của Bộ Công an về việc ban hành các biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.</p> <p>+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND, ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Giang quy định mẫu thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
2	Đổi Chứng minh nhân dân (9 số)	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân ở thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc; + Đối với trường hợp công dân ở các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc; + Đối với công dân ở các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc. 	Công an cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> + Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 9.000 đồng/lần cấp + Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 106/2013/NĐ-CP, ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				trần thuộc các huyện, thị xã còn lại: 4.000 đồng/lần cấp	<p>định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ.</p> <p>+ Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13), ngày 19/4/1999 của Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân.</p> <p>+ Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA(C11), ngày 10/10/2001 của Bộ Công an về việc ban hành các biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.</p> <p>+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND, ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mẫu thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
3	Cấp lại Chứng minh nhân dân (9 số)	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân ở thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc; + Đối với trường hợp công dân ở các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc; + Đối với công dân ở các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc. 	Công an cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> + Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 9.000 đồng/lần cấp + Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 106/2013/NĐ-CP, ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 4.000 đồng/lần cấp	03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ. + Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13), ngày 19/4/1999 của Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA(C11), ngày 10/10/2001 của Bộ Công an về việc ban hành các biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội. + Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND, ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mẫu thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>

IV. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thường trú	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an thành phố Long Xuyên, Châu Đốc; Công an thị xã Tân Châu	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 15.000 đồng/lần đăng ký. - Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc còn lại và các xã, phường thuộc thị xã Tân	- Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Châu: 7.000 đồng/lần đăng ký.	phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
2	Tách sổ hộ khẩu	Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 8.000 đồng/lần	- Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>đính chính, gia hạn.</p> <p>- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc còn lại và các xã, phường thuộc thị xã Tân Châu: 7.000 đồng/lần</p> <p>đính chính, gia hạn.</p>	<p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <p>- Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	<ul style="list-style-type: none"> - Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 20.000 đồng/lần cấp. - Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc còn lại và các xã, phường thuộc thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				xã Tân Châu: 10.000 đồng/lần cấp.	tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
4	Cấp lại sổ hộ khẩu	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 20.000	- Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>đồng/lần cấp</p> <p>- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc còn lại và các xã, phường thuộc thị xã Tân Châu:</p> <p>10.000 đồng/lần cấp.</p>	<p>hành Luật Cư trú.</p> <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <p>- Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
5	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	<ul style="list-style-type: none"> - Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 8.000 đồng/lần đăng chính, gia hạn. - Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc còn lại và các xã, 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				phường thuộc thị xã Tân Châu: 4.000 đồng/lần đính chính, gia hạn.	số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
6	Xóa đăng ký thường trú	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	Không	- Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
7	Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
8	Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật	Chưa quy định cụ thể	nt	Không	<p>- Luật Cư trú năm 2006.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
9	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nt	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>

V. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy chứng nhận 100.000đ	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy chứng nhận 100.000đ	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy chứng nhận	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				100.000đ	Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính

VI. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy nhận 100.000đ	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy nhận 100.000đ	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 600.000đ Phí cấp giấy nhận chứng nhận 100.000đ	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính
4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
7	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					2016 của Bộ Tài chính
9	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
11	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng	Phí thẩm định 1.100.000đ Phí cấp giấy phép 200.000đ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính

VII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CÁC CƠ SỞ KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn đối với trường công lập 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng đối với trường ngoài công lập	Cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Lao động-TB và XH	Không	Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	Hàng tháng	Cơ sở giáo dục Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
3	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Không quy định	Phòng GDĐT; UBND	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			huyện		tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
4	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT; UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
5	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	45 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
7	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
8	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
9	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
11	Cho phép trường mẫu	30 ngày làm việc	Cơ sở	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		giáo dục Phòng GDĐT		ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
12	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	10 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
13	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	35 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
14	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	30 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	35 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
16	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	Không quy định	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
17	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
18	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
19	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
20	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
21	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
22	Cho phép trung tâm học	15 ngày làm việc	Phòng	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tập cộng đồng hoạt động trở lại		GDĐT UBND huyện		ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
23	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
24	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Không quy định	UBND huyện	Không	Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
25	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

VIII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	30 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thực; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.
2	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	30 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p> cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. </p>

IX. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

X. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	15 ngày làm việc	Hội Khuyến học cấp huyện UBND huyện	Không	Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã

XI. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	15 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/05/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy, học thêm do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

XII. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	2 lần trong năm học: Lần 1 vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 2 vào tháng 2 hoặc tháng 3	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ sở giáo dục mầm non, phòng giáo dục và đào tạo, phòng tài chính	Không	Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.
2	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).	20 ngày làm việc	Phòng GDĐT UBND huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
3	Chuyên trường đối với học	5 ngày làm việc	Cơ sở	Không	Thông tư số 50/2012/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	sinh tiểu học		giáo dục		BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Điều lệ Trường Tiểu học; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ Trường tiểu học.
4	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định cụ thể	Cơ sở giáo dục; Phòng GDĐT	Không	Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về về chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

XIII. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	05 ngày làm việc	Cơ quan đã cấp văn bằng, chứng chỉ và đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bản giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.
2	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	<p>Ngay trong ngày cơ quan, cơ sở giáo dục tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều.</p> <p>Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi</p>	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục phổ thông	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bản giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>cơ quan, cơ sở giáo dục nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến;</p> <p>Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bản, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, cơ sở giáo dục không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao.</p>			<p>Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>

XIV. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.</p>
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					đường thủy nội địa và đường sắt”.
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	Không	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.</p>

XV. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Mục 1	Lựa Chọn Nhà Đầu Tư				
1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư; - Giải quyết kiến nghị: <ul style="list-style-type: none"> + Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư; - Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu, - Người có thẩm quyền 	<p>0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;</p> <p>+ Người có thẩm quyền: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.</p>			
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	<p>- Gửi văn bản kiến nghị: 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>- Giải quyết kiến nghị:</p> <p>+ Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;</p> <p>- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư không đồng</p>	<p>- Bên mời thầu,</p> <p>- Người có thẩm quyền,</p> <p>- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.</p>	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư	<p>- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;</p> <p>+ Hội đồng tư vấn: giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị</p>		<p>có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>của nhà đầu tư;</p> <p>- Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;</p> <p>+ Người có thẩm quyền: 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.</p>			
Mục 2 Đấu Thầu Lựa Chọn Nhà Đầu Tư					
3	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư, - Bên mời thầu, - Người có thẩm quyền. 	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
4	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể	- Chủ đầu tư đối với	Chi phí cho Hội đồng tư	- Luật Đấu thầu số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.</p>	<p>dự án; - Bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên; - Người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị</p>	<p>vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng</p>	<p>43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p>

XVI. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hộ kinh doanh. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp.; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 về hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hộ kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần 	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 20/2015/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Nếu hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký thì thời hạn là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>			<p>BKHĐT ngày 01/12/2015 về hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang</p>
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	Không	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 về</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang</p>
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không có	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	Không	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 về hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo yêu cầu hộ kinh doanh hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận 	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 về hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ kinh doanh.</p>			

XVII. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	50.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành,	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính -	50.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã		Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.		<p>CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân	100.000 Đồng/lần	<p>- Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			đân huyện.		<p>một số điều của Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân	100.000 Đồng/lần	<p>- Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			huyện.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	- Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi mất)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	<p>- Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	50.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	50.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác giải thể tự nguyện)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính -	50.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.		<p>CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân	Không	<p>- Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			dân huyện.		<p>một số điều của Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.</p> <p>- Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân	Không	<p>- Luật Hợp tác xã.</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			huyện.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	Không	- Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
18	Cấp lại Giấy chứng nhận hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	- Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.	100.000 Đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 về Quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

XVIII. LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	14 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015. - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quản lý môi trường lao động. - Thông tư số 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

XIX. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	35 ngày làm việc	Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	40 ngày làm việc	Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động -	05 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Thương binh và Xã hội.				
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp	32 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	huyện.				các cơ sở trợ giúp xã hội
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Theo thỏa thuận	Theo quy định	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	07 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng	28 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người KT, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)		cấp huyện		2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
13	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
14	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	08 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
15	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
16	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt)	28 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nặng)				<p>với đối tượng bảo trợ xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
17	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
18	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					bảo trợ xã hội
19	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
20	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường,	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em				người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ giúp trẻ em.
21	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	Không quy định	Cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Không	Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ giúp trẻ em.

XX. LĨNH VỰC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
2	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn	Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thông báo ngay (gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại) cho nơi tiếp nhận thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hại cho trẻ em.	<p>hại.</p> <p>- Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trực tiếp thực hiện, áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.</p>		

XXI. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ, học sinh, sinh viên được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thông	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐ-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>báo công khai về thời gian cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác). Trường hợp học sinh, sinh viên chưa được nhận học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.</p>			

XXII. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	Không quy định	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện	Không	Bộ luật 10/2012/QH13
2	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	05 ngày làm việc	Trực tiếp	Không	Bộ luật 10/2012/QH13

XXIII. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	03 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 13/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động Thương binh xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.
2	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	Chưa quy định	UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 13/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động Thương binh xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

XXIV. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 (mười một) ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn Nghị định 09/2013/NĐ-CP về Luật Phòng, chống mua bán người.
2	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	07 (bảy) ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	<p>- Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy.</p> <p>- Thông tư số 33/2010/TT-BLĐTBXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.
3	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	07 (bảy) ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy. - Thông tư số 33/2010/TT-BLĐT BXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.

XXV. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/04/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/04/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
4	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
5	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

XXVI. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					số nội dung quản lý công trình lâm sinh.
2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	Trong thời hạn 23 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.
3	Khoán công việc và dịch vụ	không quy định.	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Không	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
4	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Không	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngành Nhà nước
5	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Không	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
6	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Thông tư số 12/VBHN-BNNPTNT ngày 28/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
7	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng	Trong thời hạn 10 ngày làm	Ủy ban	Không	Căn cứ pháp lý - Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.	nhân dân cấp huyện		12/VBHN-BNNPTNT ngày 28/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
8	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ).	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ
9	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất ra; động vật rừng gầy nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p>	<p>(trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Đóng dấu búa kiểm lâm	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 - Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/06/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc ban hành Quy chế quản lý và đóng dấu bài cây, búa kiểm lâm
11	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện</p>				<p>về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010</p> <p>- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/04/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn</p>
12	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	36 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<p>Thông tư 20/2016/TT-BNNPTNT 27/06/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/ TT-BNNPTNT, 47/2012/ TT-BNNPTNT, 80/2011/ TT-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BNNPTNT, 99/2006/ TT-BNNPTNT
13	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/05/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

XXVII. LĨNH VỰC THỦY LỢI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện	Không	- Luật Luật Thủy lợi năm 2017. - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi

XXVIII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	40 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</p>
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ	30 ngày kể từ ngày nhận	Phòng	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	được bộ hồ sơ hợp pháp	Nội vụ		<p>CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <p>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <p>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</p>
3	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	30 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
4	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	30 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
5	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	15 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
6	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	15 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <p>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
7	Thủ tục hợp nhất, sắp nhập, chia, tách quỹ	30 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
8	Thủ tục đổi tên quỹ	15 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.
9	Thủ tục quỹ tự giải thể	15 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp pháp	Phòng Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

XXIX. LĨNH VỰC TÔN GIÁO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
4	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo	25 ngày kể từ ngày Phòng	UBND	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	cấp huyện		(Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25 ngày kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp	25 ngày kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề	UBND cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	nghị hợp lệ			18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

XXX. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
2	Thủ tục tặng Danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
3	Thủ tục tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
4	Thủ tục tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
6	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
7	Thủ tục tặng Giấy khen của UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	20 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
8	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp	10 ngày	Phòng Nội vụ	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	huyện cho gia đình				Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

XXXI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
4	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Không quá 60 ngày <i>(Không quá 30 ngày làm việc đối với mỗi bước trong trình tự thực hiện).</i>	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
6	Quyết định điều chuyển tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Quyết định bán tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
8	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
10	Quyết định thanh lý tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
12	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan được giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
14	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi kết thúc	Không quá 120 ngày <i>(Không quá 30 ngày làm việc đối với mỗi bước trong trình tự thực hiện).</i>	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi kết thúc.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Không quá 90 ngày <i>(Không quá 30 ngày làm việc đối với mỗi bước trong trình tự thực hiện).</i>	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
16	Mua quyền hóa đơn	Không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Mua hóa đơn lẻ	Không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
18	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
19	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

XXXII. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
2	Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp đổi 	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày.		hiện thủ tục hành chính	<p>phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
3	<p>Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; <i>tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận</i></p>	<p>- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p>	<p>Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khẩn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			<p>hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
4	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian</p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thực hiện được tăng thêm 10 ngày			<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.
5	Thủ tục Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 15 ngày (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). - Không quá 25 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định; - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.
7	Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. 	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định; - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
8	<p>Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến</p>	<p>- Ủy ban nhân dân cấp huyện đổi với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận.</p> <p>- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện đổi với trường hợp xác nhận thay đổi</p>	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p>	trên Giấy chứng nhận.		<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					tỉnh An Giang.
9	Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	UBND cấp huyện hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
10	<p>Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày</p>	<p>Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>đất trên trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
11	Thủ tục Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày 	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>liên với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>đất trên trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
12	Thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<p>- Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>liên với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
13	Thủ tục Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Văn phòng đăng ký quyền sử	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày</p>	<p>dụng đất cấp huyện</p>	<p>cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Hội đồng nhân dân tỉnh</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
14	Thủ tục Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có 	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		hành chính	<p>điều Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
15	Thủ tục Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng</p>	UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày.			<p>hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
16	Thủ tục Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng</p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		hiện thủ tục hành chính	<p>phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
17	<p>Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở</p>	<p>- Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng</p>	<p>UBND cấp huyện</p>	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
18	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài	- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp huyện	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>		<p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.
19	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. 	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					liền với đất; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 44/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
20	Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p>	UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khẩn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			<p>quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 43/2016/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.
21	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. 	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
22	Thủ tục Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày; trừ thủ tục hòa giải</p>	UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>tranh chấp đất đai.</p> <p>- Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì không quá 45 ngày mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.</p>			<p>UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
23	Thủ tục Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	<p>- Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).</p> <p>- Không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.</p>	UBND cấp huyện	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
24	Thủ tục Tách thửa hoặc hợp	- Không quá 15 ngày	Văn phòng	- Lệ phí cấp	- Luật Đất đai số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thừa đất	kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính	45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị quyết số 07/2018/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
25	Thủ tục Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung,	Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>- Phí thẩm định;</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		hành chính	<p>BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 thực hiện Chương I Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
26	Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy	Không quy định	UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện				<p>11 năm 2013;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
27	Thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. 	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
28	Thủ tục Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Không quá 03 ngày đối với trường hợp xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; không quá 03 ngày làm việc đối với	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	<p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận;</p> <p>- Dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>trường hợp đăng ký, xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ đơn giá thu dịch vụ công thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<i>tỉnh An Giang.</i>

XXXIII. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật bảo vệ môi trường năm 2014.- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
2	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Tài nguyên và	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Môi trường cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

XXXIV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	<p>- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan đăng ký hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố.</p> <p>- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận và tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.</p>	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<p>- Luật tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về hướng dẫn Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND tỉnh</p>

XXXV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thi hành công vụ gây thiệt hại.	sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất	quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện.		<p>phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại 			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>			

XXXVI. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.</p>	Phòng Tư pháp	Không	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản	Phòng Tư pháp	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>		<p>theo trang của bản chính.</p>	<p>chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	<p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận</p>	<p>Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm</p>	<p>Phòng Tư pháp</p>	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính;</p>	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
4	<p>Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)</p>	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận</p>	<p>Phòng Tư pháp</p>	<p>10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một</p>	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		giấy tờ, văn bản).	<p>quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Phòng Tư pháp	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Phòng Tư pháp	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ,	Phòng Tư pháp	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm	Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	của Phòng Tư pháp	việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày)	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/văn bản	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Phòng Tư pháp	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>

XXXVII. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện xem xét, quyết định việc hỗ trợ - UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện chi hỗ trợ 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

XXXVIII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	<p>Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.</p>	<p>8.000 đồng/bản sao. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	1.500.000 đồng/lần đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang.
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	<p>- Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/lần đăng ký</p> <p>- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/lần đăng ký.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang
8	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	1.500.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang.
10	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
12	Thủ tục Đăng ký nhận cha,	15 ngày làm việc.	Phòng Tư pháp tiếp	1.500.000 đồng/lần	- Luật hôn nhân và gia đình

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	mẹ, con có yếu tố nước ngoài		nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	đăng ký.	<p>năm 2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
14	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch	12 ngày làm việc.	Phòng Tư pháp tiếp	75.000 đồng/lần	- Luật hôn nhân và gia đình

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<p>năm 2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc.	Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.	75.000 đồng/lần đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
16	Thủ tục Thay đổi, cải	- Ngay trong ngày làm việc	Phòng Tư pháp tiếp	28.000 đồng/lần	- Luật hộ tịch năm 2014;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>đối với việc bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	<p>nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.</p>	<p>đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>

XXXIX. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định.	Phòng Tư pháp	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm	Phòng Tư pháp	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					luật. - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

XL. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.- Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.- Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng
3	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng
4	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị định 27/2018/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 01/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

XLI. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	05 ngày	UBND huyện	Chưa quy định	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
2	Thủ tục thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	05 ngày	UBND huyện	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

XLII. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chống bạo lực gia đình.
2	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p>
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về	Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày	Ủy ban nhân dân	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
4	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		tin		<p>CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p>
5	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân	Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	dân cấp huyện)				<p>Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban	Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhân dân cấp huyện)				<p>hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p>

XLIII. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện nơi thư viện đặt trụ sở	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000. Có hiệu lực từ ngày 01/4/2001. - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện. Có hiệu lực từ ngày 21/8/2002. - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Có hiệu lực từ ngày 21/02/2009. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27/2/2012.

XLIV. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thông báo thực hiện băng rôn quảng cáo nhất thời	Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	<p>- Luật Quảng cáo được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Quảng cáo.</p> <p>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 6 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>một số điều của Luật Quảng cáo.</p> <p>- Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc uỷ quyền cấp phép thực hiện băng rôn quảng cáo nhất thời</p>
2	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>- Tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy.</p> <p>Đối với trường hợp</p>	<p>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.</p> <p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.</p> <p>- Tại khu vực khác (trừ các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này):</p> <p>+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.</p> <p>Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh</p>	<p>có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.	<p>Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.</p> <p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
3	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
4	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô	Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ	Phòng Văn hóa	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thị”	hồ sơ hợp lệ.	và Thông tin		24/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
5	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	Thông tư 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
6	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	Thông tư 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			tin		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
7	Thủ tục công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương
8	Thủ tục công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Phòng Văn hóa	Không	Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	lệ.	và Thông tin		10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương
9	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”

XLV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
2	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trung ương, cấp tỉnh.				dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
3	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
4	Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.				trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
5	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
6	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.				BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
7	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	Không quá 20 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

XLVI. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ Tài chính quy định chi tiết về mức thu lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ Xây dựng quy định chi tiết về chi phí thẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	UBND cấp huyện			định đề án	dựng; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
3	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ Xây dựng quy định chi phí thẩm định nhiệm vụ đề án quy hoạch xây dựng	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP): 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			thị.

XLVII. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở - Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: <ul style="list-style-type: none"> + Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở. + Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở. - Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): 3.000.000 đồng /lần/cơ sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm. - Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố - Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn quản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP): 22.500.000 đồng /lần/cơ sở 	<p>lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11	7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP 02/02/2018 ngày của Chính phủ hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tháng 12 năm 2014				- Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

XLVIII. LĨNH VỰC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	Trước khi trẻ xuất viện	Cơ sở khám, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. - Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh - Thông tư số 17/2012/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh
2	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	03 ngày làm việc	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh - Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi Tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh - Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế

XLIX. LĨNH VỰC CHỐNG THAM NHŨNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau	Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11. - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập. - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
2	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP đến ngày 31 tháng 3	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11. - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hàng năm.	công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.		- Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc	Cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, bộ phận tổ chức	Không	- Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11. - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			cán bộ trong các cơ quan thuộc Chính phủ, bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước		- Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình (Mẫu số 02, 03 ban hành kèm theo	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Thông tư 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014).	đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước và người có trách nhiệm thực hiện việc giải trình		quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013.
5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	thuộc cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc giải trình		Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013.

L. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	<p><i>Theo Điều 28 Luật khiếu nại:</i></p> <p>Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	Thanh tra huyện; phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại. - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.
2	Giải quyết khiếu nại lần	<i>Theo Điều 37, Luật khiếu</i>	Thanh tra	Không	- Luật khiếu nại.

	<p>hai tại cấp huyện</p>	<p><i>nại:</i></p> <p>Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	<p>huyện, các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại. - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.
--	--------------------------	---	---	--	--

LI. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày	Thanh tra huyện; phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tố cáo 2011. - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố cáo. - Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

LII. LĨNH VỰC TIẾP DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THU

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	<p>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</p>	<p>Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013. - Luật khiếu nại, Luật tố cáo năm 2011. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại. - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo. - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân. - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					định quy trình tiếp công dân.
2	Xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại, Luật tố cáo năm 2011. - Luật tiếp công dân năm 2013. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại. - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo. - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân. - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.